Đặc tả Usecase

**4.4. Đặc tả “UC003 – Hiển thị giao diện lịch”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use case | UC003 | Tên use case |  |
| Tác nhân | Người dùng | | |
| Mục đích sử dụng | Hiển thị giao diện lịch trên ứng dụng để người dùng xem các sự kiện theo chế độ (ngày, tuần, tháng, năm) | | |
| Sự kiện kích hoạt | Người dùng mở ứng dụng và chọn chế độ hiển thị lịch | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| Luồng sự kiện chính  (Thành công) | 1. Người dùng mở ứng dụng, giao diện lịch mặc định (VD: tháng) được hiển thị  2. Hệ thống tải dữ liệu sự kiện từ cơ sở dữ liệu và hiển thị sự kiện trên giao diện lịch với các thông tin cơ bản (tiêu đề, thời gian)  3. Người dùng chọn chế độ hiển thị (ngày, tuần, tháng, năm) từ thanh công cụ hoặc menu  4. Hệ thống cập nhật hiển thị theo yêu cầu của người dùng và lưu lại làm chế độ mặc định | | |
| Luồng sự kiện thay thế | 1a. Nếu lỗi mạng, hiển thị thông báo “Không thể tải lịch, vui lòng kiểm tra kết nối mạng”  2a. Nếu như không tồn tại dữ liệu về sự kiện, chỉ hiển thị giao diện lịch | | |
| Hậu điều kiện | Giao diện lịch được hiển thị đúng theo chế độ đã chọn, người dùng có thể xem và tương tác với các sự kiện (như bấm vào sự kiện để xem chi tiết). | | |

Đặc tả Usecase

**4.4. Đặc tả “UC003 – Hiển thị thông tin sự kiện”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use case | UC003 | Tên use case |  |
| Tác nhân | Người dùng | | |
| Mục đích sử dụng | Hiển thị thông tin chi tiết sự kiện để người dùng xem | | |
| Sự kiện kích hoạt | Người dùng mở ứng dụng và chọn 1 sự kiện từ giao diện lịch | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống  Tồn tại ít nhất 1 sự kiện trong lịch của người dùng | | |
| Luồng sự kiện chính  (Thành công) | 1. Người dùng bấm vào một sự kiện trên giao diện lịch (ví dụ: lịch dạng ngày, tuần, hoặc tháng)  2. Hệ thống hiển thị cửa sổ chi tiết sự kiện, bao gồm các thông tin như: tiêu đề, thời gian, địa điểm, mô tả, người tham gia, thông báo nhắc nhở, và các tùy chọn chỉnh sửa/xóa | | |
| Luồng sự kiện thay thế | 2a. Nếu kết nối mạng không ổn định: Hệ thống hiển thị thông báo "Không thể tải thông tin sự kiện, vui lòng kiểm tra kết nối mạng". | | |
| Hậu điều kiện | Thông tin chi tiết của sự kiện được hiển thị đầy đủ trên giao diện, người dùng có thể xem | | |

Đặc tả Usecase

**4.4. Đặc tả “UC003 – Tìm kiếm sự kiện”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use case | UC003 | Tên use case |  |
| Tác nhân | Người dùng | | |
| Mục đích sử dụng | Tìm kiếm và hiển thị các sự kiện trong hệ thống dựa trên từ khóa mà người dùng nhập | | |
| Sự kiện kích hoạt | Người dùng mở ứng dụng và sử dụng thanh tìm kiếm để tìm sự kiện | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống  Hệ thống có dữ liệu lịch của người dùng để tìm kiếm | | |
| Luồng sự kiện chính  (Thành công) | 1. Người dùng mở ứng dụng và bấm vào thanh tìm kiếm (biểu tượng kính lúp).  2. Người dùng nhập từ khóa tìm kiếm (ví dụ: tiêu đề sự kiện, tên người tham gia, hoặc từ khóa trong mô tả).  3. Hệ thống đồng thời tìm kiếm dữ liệu sự kiện trong cơ sở dữ liệu và hiển thị danh sách kết quả phù hợp, bao gồm thông tin cơ bản của sự kiện (tiêu đề, ngày giờ, màu sắc).  4. Người dùng bấm vào một sự kiện trong danh sách kết quả để xem chi tiết.  5. Hệ thống hiển thị cửa sổ chi tiết sự kiện, bao gồm các thông tin như tiêu đề, thời gian, địa điểm, mô tả, người tham gia, và các tùy chọn chỉnh sửa/xóa. | | |
| Luồng sự kiện thay thế | 1a. Nếu không có kết nối mạng: Hệ thống hiển thị thông báo "Không thể tìm kiếm, vui lòng kiểm tra kết nối mạng".  2a. Nếu không tìm thấy sự kiện nào khớp với từ khóa: Hệ thống hiển thị thông báo "Không tìm thấy sự kiện nào phù hợp". | | |
| Hậu điều kiện | Danh sách các sự kiện phù hợp được hiển thị (nếu có), người dùng có thể xem chi tiết hoặc thực hiện các hành động tiếp theo (chỉnh sửa, xóa sự kiện). | | |